TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **702**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Ông Võ Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 278/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 13/02/2023, bản tự khai ngày 11/4/2023, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ ngày 01/6/2023 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 01/6/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến khi sinh em bé thứ 2 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính, tính tình không còn hòa hợp, bà T cảm thấy không còn được tôn trọng, yêu thương, quan tâm. Hai bên gia đình nội ngoại có can thiệp hòa giải tuy nhiên hạnh phúc vợ chồng không còn. Đến năm 2021 hai vợ chồng tranh cãi nhiều hơn và đến tháng 7/2022 hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà T và ông T chung sống với nhau có 02 con chung tên là trẻ Trần Nguyễn Duy Th (giới tính: nam), sinh ngày 22/5/2017 và trẻ Trần Nguyễn Minh T (giới tính: nữ), sinh ngày: 22/8/2012. Khi ly hôn, bà T giao hai trẻ cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Hai trẻ đang sống cùng ông Trần Văn T tại khu B, tổ 1, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T. Căn cứ vào kết quả xác minh do Công an xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì ông Trần Văn T hiện có tạm trú tại địa chỉ: Khu B tổ 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T.

- Bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Mộng T.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/10/2009 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Bà và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến khi sinh em bé thứ 2 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính, tính tình không còn hòa hợp, bà T cảm thấy không còn được tôn trọng, yêu thương, quan tâm. Hai bên gia đình nội ngoại có can thiệp hòa giải tuy nhiên hạnh phúc vợ chồng không còn. Đến năm 2021 hai vợ chồng tranh cãi nhiều hơn đến tháng 7/2022 hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được, nay bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh số 2321/UBND ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T thì được biết: "*Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T cư trú tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt không ghi nhận về mâu thuẫn hôn nhân và gia đình của ông bà; cũng không tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân do không có yêu cầu. Bà T và ông T có 02 người con chung gồm*

trẻ Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/8/2012 và trẻ Trần Nguyễn Duy T, sinh ngày 22/5/2017. Hiện 02 trẻ do ông Trần Văn T đang chăm sóc và nuôi dưỡng tại địa chỉ Khu B tổ 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh".

Ông Trần Văn T dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản thể hiện yêu cầu của nguyên đơn gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, ông Trần Văn T cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Mộng T. Như vậy, ông Trần Văn T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông Trần Văn T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử xét nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với ông Trần Văn T.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Mộng T thì: Quá trình chung sống, Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T chung sống với nhau có 02 con chung tên là trẻ Trần Nguyễn Duy Th (giới tính: nam), sinh ngày 22/5/2017 và trẻ Trần Nguyễn Minh T (giới tính: nữ), sinh ngày: 22/8/2012. Khi ly hôn, bà T giao hai trẻ cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Hai trẻ đang sống cùng ông Trần Văn T tại khu B, tổ 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét trẻ Th và trẻ T đang sống chung với ông T, ông T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ Thanh và trẻ Thư. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ Thư muốn sống chung với cha. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt. Hội đồng xét xử giao trẻ Thanh và trẻ Thư cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà T.

Tại phiên tòa ông Trần Văn T vắng mặt, không có bất kỳ văn bản nào trình bày nguyện vọng về con chung khi ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng T về con chung: Giao 02 con chung tên là trẻ Trần Nguyễn Duy Thanh và trẻ Trần Nguyễn Minh Thư cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, bà T yêu cầu ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không chấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T xác định bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T chung sống không có tài sản chung, không nợ ai.

Ông Trần Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với ông Trần Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/10/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là trẻ Trần Nguyễn Duy Th và trẻ Trần Nguyễn Minh Thư cho ông Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà T cho đến khi ông T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi

ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T xác định bà T và ông T chung sống không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mộng T xác định bà T và ông T chung sống không nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042703 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền